TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN DƯƠNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/HS-ST
Ngày 25-01-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trương Minh Huế

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tỵ

Bà Nguyễn Thị Lợi

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Đào Mai Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Trịnh Nhật - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện An Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 02/2019/TLST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Đình T, sinh ngày 21 tháng 02 năm 1987 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T1, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình H và bà Đinh Thị V; vợ: Nguyễn Thị H1 và có 02 con; tiền án: Tại Bản án số 18/2013/HSST ngày 26 tháng 3 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, Hải Phòng xử phạt Nguyễn Đình T 15 tháng tù cho hưởng án treo về tội: "Trộm cắp tài sản", thời gian thử thách 28 tháng 26 ngày (đã được xóa án tích); tiền sự: Tại Quyết định số 13/QĐ-TA ngày 13 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện An Dương, Hải Phòng áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Nguyễn Đình T thời hạn 24 tháng (chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính); bị cáo T bị bắt, tạm giam từ ngày 19 tháng 10 năm 2018, đến nay; có mặt.

2. Trần Văn D, sinh ngày 15 tháng 8 năm 1992 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn T1, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: Lớp 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T2 và bà Phạm Thị Q; vợ: Nguyễn Thị T3 và có 02 con; tiền án: Tại Bản án số 258/2009/HSST ngày 19 tháng 11 năm 2009 của Tòa án nhân dân

thành phố Đà Nẵng xử phạt D 18 tháng tù về tội: "Cướp tài sản" (đã được xóa án tích); Tại Bản án số 89/2013/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2013 của Tòa án nhân dân huyện EAH'LEO, tỉnh ĐẮC LẮK xử phạt D 15 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản" (chưa được xóa án tích); Ngày 29 tháng 9 năm 2018 tổ công tác liên ngành tập trung người lang thang phường Đằng Hải, quận Hải An, Hải Phòng đưa D vào Trường Lao động xã hội Thanh Xuân, Hải Phòng; bị cáo D bị bắt, tạm giam từ ngày 19 tháng 10 năm 2018, đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Vũ Văn T2, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn N, xã K, huyện L, Hải Phòng; vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Vũ Văn N1, ông Phạm Văn Đ1; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 15 tháng 8 năm 2018, Nguyễn Đình T điều khiển xe mô tô chở Trần Văn D đến chợ S để mua đồ. Khi về T bảo D đi vào khu vực thôn Q1, xã Đ2, huyện A với mục đích trộm cắp tài sản, D đồng ý. Khoảng 15 giờ, khi đi qua ngôi nhà đang xây của anh Vũ Văn T3 ở tổ 1, thôn Q1, xã Đ2, phát hiện ở tầng 1 có để một số xe mô tô và không có người nên T dừng xe bảo D chờ bên ngoài để T vào lấy xe. T đi bộ vào dùng vam phá khóa đem theo mở khóa điện xe mô tô nhãn hiệu Jupiter Gravita màu đỏ, đen biển số 15H1-025.10 dắt ra ngoài rồi điều khiển xe cùng D đi về nhà. T đưa cho D 1.000.000 đồng, sau đó tháo bỏ biển số xe 15H1-025.10 rồi đến hiệu sửa xe của anh Nguyễn Đình H2 ở thôn T4, xã Đ lấy biển số 34M2 3152 (do khách bỏ lại) lắp vào để sử dụng. Ngày 18 tháng 8 năm 2018 T, D sử dụng chiếc xe này đi sang địa bàn xã K1, huyện K2, Hải Dương tiếp tục trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Jupiter MX biển số 34P9-9271 mang đến xã S, huyện A, Hải Phòng cầm cố cho Nguyễn Trọng T4. Ngày 19 tháng 8 năm 2018 T, D đến Công an xã Đ2 và giao nộp lại chiếc xe mô tô đã trộm cắp tại xã Đ2 ngày 15 tháng 8 năm 2018.

Xe mô tô biển số 15H1.025.10 bị T, D chiếm đoạt là tài sản của anh Vũ Văn T2 là thợ xây nhà cho anh Vũ Văn T3. Tại thời điểm mất xe, anh T2 cùng một số người đang làm việc ở tầng trên nên không phát hiện chiếc xe bị kẻ gian chiếm đoạt.

Tại Kết luận định giá tài sản ngày 07 tháng 9 năm 2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện An Dương xác định: Xe máy nhãn hiệu Yamaha Jupiter Gravita biển số 15H1-025.10 màu đỏ đen, đã qua sử dụng, số máy 5B95084896, số khung 5B950BY084886, chất lượng còn lại khoảng 45%, giá trị định giá 12.500.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đình T và Trần Văn D khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như nội dung trên.

Tại Cáo trạng số 07/CT-VKS ngày 10 tháng 01 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố các bị cáo Nguyễn Đình T và Trần Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Sau phần xét hỏi công khai tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương phân tích hành vi phạm tội, đánh giá tính chất vụ án, nêu các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm r, điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T từ 18 đến 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng khoản 1, Điều 173; điểm h, khoản 1, Điều 52; điểm r, điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 18 đến 24 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Đình T và Trần Văn D.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b, khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Trần Văn D phải nộp lại số tiền 1.000.000 đồng thu lợi bất chính để sung vào ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Về chứng cứ xác định có tội:

Lời khai của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ căn cứ xác định: Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 15 tháng 8 năm 2018, các bị cáo Nguyễn Đình T và Trần Văn D đã có hành vi lén lút chiếm đoạt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 15H1-025.10 trị giá 12.500.000 đồng của anh Vũ Văn T2 tại thôn Q1, xã Đ2, huyện A, Hải Phòng.

[3] Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 15H1-025.10 trị giá 12.500.000 đồng của các bị cáo Nguyễn Đình T và Trần Văn D đã phạm vào tội: "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương truy tố và đề nghị áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Đình T và Trần Văn D về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

- Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội. Vì vậy, đối với hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải được xử phạt nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

[6] Bị cáo Nguyễn Đình T không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Bị cáo Trần Văn D có 02 tiền án, trong đó có 01 tiền án bị Tòa án nhân dân huyện EAH'LEO, tỉnh ĐẮC LẮK kết án 15 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản" tại Bản án số 89/2013/HSST ngày 27 tháng 9 năm 2013, chưa được xóa án tích nay lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên bị cáo D phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "*tái phạm*" quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo T, D có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã đến Công an xã Đ tự thú, nên các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, điểm s, khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân, phân hoá vai trò của các bị cáo trong vụ án:

[9] Đối với bị cáo Nguyễn Đình T: Bị cáo T là người đề xuất cũng là người thực hành tội phạm tích cực, trực tiếp dùng vam phá khóa chiếm đoạt tài sản của bị hại nên bị cáo có vai trò cao nhất trong vụ án.

[10] Đối với bị cáo Trần Văn D: Bị cáo D là người giúp sức, cảnh giới để bị cáo T chiếm đoạt tài sản của bị hại nên bị cáo có vai trò thứ hai trong vụ án.

[11] Các bị cáo T, D đều có nhân thân xấu, T có 01 tiền án đã được xóa án tích, 01 tiền sự (chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính); D có 02 tiền án trong đó có 01 tiền án chưa được xóa án tích. Các bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ bằng nhau. Tuy bị cáo T có vai trò chính trong vụ án nhưng T không có tình tiết tăng nặng, D có vai trò thứ hai nhưng D có 01 tình tiết tăng nặng nên mức hình phạt áp dụng đối với các bị cáo T, D ngang bằng nhau.

- Về hình phạt bổ sung:

[12] Xét các bị cáo T, D có không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng:

[13] Tài sản các bị cáo chiếm đoạt gồm: 01 xe mô tô đã được trả lại cho bị hại. Một vam phá khóa bị cáo T dùng để thực hiện hành vi phạm tội không thu hồi được.

- Về trách nhiệm dân sự:

[14] Bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xét.

[15) Đối với số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo T chia trả cho D sau khi các bị cáo chiếm đoạt tài sản của bị hại. Đây là khoản thu lợi bất chính nên buộc bị cáo D phải nộp lại để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Về những vấn đề khác:

[16] Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra nơi ở của bị cáo T nhưng không thu hồi được biển số xe 15H1-025.10 của anh T2. Đối với xe mô tô T sử dụng cùng D đi trộm cắp tài sản ngày 15 tháng 8 năm 2018 thuộc sở hữu của ông Nguyễn Đình H3 (là chú ruột của bị cáo T). Ông H3 không biết T sử dụng xe đi trộm cắp nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[17] Đối với xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter MX biển số 34P9-9271 do T, D trộm cắp tại huyện K2, tỉnh Hải Dương, Cơ quan điều tra Công an huyện An Dương đã bàn giao cho Công an huyện K2 để giải quyết theo thẩm quyền.

- Về án phí:

[18] Theo quy định của pháp luật, các bị cáo T, D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm r, điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 18 (mười tám) tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản".

Căn cứ khoản 1, Điều 173; điểm h, khoản 1, Điều 52; điểm r, điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Văn D 18 (mười tám) tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản".

Thời hạn tù của các bị cáo Nguyễn Đình T, Trần Văn D tính từ ngày 19 tháng 10 năm 2018.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Nguyễn Đình T, Trần Văn D

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 47 Bộ luật Hình sự: Buộc bị cáo Trần Văn D phải nộp lại số tiền 1.000.000 đồng thu lợi bất chính để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ khoản 2, Điều 135; khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 6; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016 buộc các bị cáo Nguyễn Đình T, Trần Văn D mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo:

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng;
- Viện kiểm sát nhân dân T.P Hải Phòng;
-Viện kiểm sát nhân dân huyện An Dương;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Dương;
- Phòng PV 27 CATP;
- Phòng PC 81 CATP; Sở Tư pháp HP;
- Chi cục Thi hành án huyện An Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Minh Huế